

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2024

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Nhựt**

2. Ông **Danh Đẹp**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K.

2. **Bị đơn:** Ông **Trần Minh L**, sinh năm 1951

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh.

(Tại phiên tòa, bà Lê Thị H có mặt, ông Trần Minh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2024 của bà Lê Thị H, bản tự khai của các đương sự, nội dung phiên hòa giải ngày 26/02/2024, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

Vào năm 2007, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, bà Lê Thị H cùng ông Trần Minh L đi đến hôn nhân, có làm đám tuyên bố, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2009 và đã được UBND xã Bình An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103.

Trong quá trình chung sống, bà Lê Thị H và ông Trần Minh L không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì bà Lê Thị H và ông Trần Minh L hạnh phúc, nhưng sau này do ông Trần Minh L sang tên tài sản riêng của ông Lầm cho con ông L mà không thông qua ý kiến của bà Lê Thị H nên bà Lê Thị H và ông Trần Minh L đã cãi vã, ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay.

Bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị Hiệp được ly hôn với ông Trần Minh L. Ông Trần Minh L không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị H. Ngoài ra, bà Lê Thị H và ông Trần Minh L không yêu cầu gì thêm.

* *Tại phiên tòa*, bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị H và ông Trần Minh L thiết lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2009. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 05/01/2024, bà Lê Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh L; ông Trần Minh L có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Trần Minh L không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt ông Trần Minh L tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/3/2024 cho ông Trần Minh L theo quy định của pháp luật, ông Trần Minh L vắng mặt phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 30), được sự thống nhất của bà Lê Thị H, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Minh L theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

2.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trần Minh L tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2007, có làm đám tuyên bố, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2009 và đã được UBND xã Bình An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103 nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Trần Minh L là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên bà Lê Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh L.

Xét rằng: Tại bản tự khai ngày 23/02/2024 và phiên hòa giải ngày 26/02/2024, ông Trần Minh L đều thừa nhận là ông và bà Lê Thị H đã ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay, hiện nay quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Lê Thị H không thể hàn gắn được. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã hòa giải hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Trần Minh L nhưng không mang lại kết quả. Tại phiên tòa, bà Lê Thị H xác

định là tình cảm của bà Lê Thị H dành cho ông Trần Minh L không còn và bà Lê Thị H vẫn yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh L. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Trần Minh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Trần Minh L.

2.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Minh L xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Bà Lê Thị H phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà bà Lê Thị H phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001285, ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Lê Thị H không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Trần Minh L không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

- 1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Trần Minh L.
- 2- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Minh L không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
- 3- Về án phí:

Bà Lê Thị H phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà bà Lê Thị H phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001285, ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Lê Thị H không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Trần Minh L không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (04/4/2024); ông Trần Minh L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hợp);
- UBND xã Bình An, h Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khi án có hợp);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương